TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 01 - 2022
V/v ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Tuyển và bà Trịnh Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 301/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021, và quyết định hoãn phiên tòa ngày 05/01/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị T, sinh năm 1985 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt); địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Đặng Đình P, sinh năm 1985 (Vắng mặt); địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Phùng Thị T trình bày:

Chị T và anh Đặng Đình P tự nguyện sống chung với nhau từ ngày 2007 và tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/02/2017 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trong quá trình chung sống vợ chồng với nhau đến năm 2010 thì do mâu thuẫn vợ chồng nên vợ chồng chị T có làm thủ tục ly hôn ở Tòa án vào năm 2010, đến năm 2013 thì vợ chồng chị T về sống chung với nhau và đến đầu năm 2017 thì đi đăng ký kết hôn lại. Sau đó vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không có sự tôn trọng, chia sẻ với nhau, lâu dần tình cảm vợ chồng mờ nhạt, xa cách dần. Bên cạnh đó anh P bài bạc và có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Bản thân anh P không lo làm ăn, tiền bạc làm được bao nhiêu anh P đều giữ riêng cho bản thân, không

phụ giúp trong chi phí sinh hoạt của gia đình cũng như chăm lo cuộc sống của các con. Điều này khiến vợ chồng luôn căng thẳng, vợ chồng không thể hòa hợp được, đời sống chung không vui vẻ, hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân với nhau từ tháng 6/2021 cho đến nay.

Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên và hàng xóm động viên, khuyên nhủ, giải quyết nhiều lần nhưng vẫn không giải quyết được. Chị T nghĩ vì hạnh phúc gia đình, sợ ảnh hưởng đến tâm lý của các con và tình cảm hai bên gia đình nên muốn anh P có cơ hội thay đổi bản thân, chăm lo cho các con và phát triển kinh tế gia đình nên mới cố gắng kéo dài mối quan hệ hôn nhân này. Nhưng đến nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vì vậy, chị T làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Đặng Đình P.

Về con chung: có 02 con chung:

1. Cháu Đặng Đình T, sinh ngày 01/5/2008

2. Cháu Đặng Bảo T1, sinh ngày 27/9/2017

Hiện nay cháu T đang ở cùng anh P, cháu T1 đang ở cùng chị T. Nên nguyên vọng của chị T sau khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Bảo T1, sinh ngày 27/9/2017 và giao cháu Đặng Đình T, sinh ngày 01/5/2008 cho anh Đặng Đình P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do mỗi người nuôi 01 cháu nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đặng Đình P trình bày:

Anh P và chị Phùng Thị T tự nguyện sống chung với nhau từ ngày 2007 và tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/02/2017 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trong quá trình chung sống vợ chồng với nhau đến năm 2010 thì do mâu thuẫn vợ chồng nên vợ chồng có làm thủ tục ly hôn ở Tòa án vào năm 2010, đến năm 2013 thì vợ chồng về sống chung với nhau và đến đầu năm 2017 thì đi đăng ký kết hôn lại. Sau đó vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P bài bạc và có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Tuy nhiên, hiện nay anh P đã nhận ra sai lầm của mình nên đã thay đổi, vì anh P vẫn còn yêu thương vợ con nên việc chị T làm đơn xin ly hôn thì anh P không đồng ý và xin được đoàn tụ. Kính mong Tòa án cho vợ chồng anh P có thời gian hàn gắn quay về với nhau để con cái có cha mẹ, anh P không muốn các con phải xa cách cha mẹ. Vì vậy, anh P mong Tòa án xem xét cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: có 02 con chung:

1. Cháu Đặng Đình T, sinh ngày 01/5/2008

2. Cháu Đặng Bảo T1, sinh ngày 27/9/2017

Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì nguyện vọng của anh P xin được nuôi dưỡng 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu chị T phải chấp dưỡng. Hiện nay anh P sống chung cùng bố mẹ (ông bà nội) và làm công việc mua bán tự do nên thu nhập cụ thể không rõ, không ổn định về số tiền thu nhập hàng tháng nhưng anh P xác định vẫn đủ điều kiện để nuôi dưỡng 02 con nếu được Tòa án giao.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Qua biên bản xác minh ngày 15/10/2021 về tình trạng hôn nhân giữa chị Phùng Thị T và anh Đặng Đình P thì Chính quyền địa phương cho biết: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh P bắt nguồn từ việc vợ chồng có quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không quan tâm đến nhau vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, nên mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Từ tháng 9/2021 chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Về điều kiện nuôi con thì anh P làm nghề buôn bán trái cây, chị T làm nghề thu mua phế liệu nên đều có thu nhập (Mức thu nhập cụ thể chính quyền địa phương không rõ) nên cả hai đều có điều kiện nuôi con.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Cho chị Phùng Thị T được ly hôn với anh Đặng Đình P. Về con chung: Giao con chung Đặng Đình T, sinh ngày 01/5/2008 cho anh Đặng Đình P nuôi dưỡng, giao con chung Đặng Bảo T1, sinh ngày 27/9/2017 cho chị Phùng Thị T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Chị Phùng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Đặng Đình P có nơi cư trú

tại Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Phùng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đặng Đình P mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phùng Thị T với anh Đặng Đình P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K vào ngày 21 tháng 02 năm 2017. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, cũng như quá trình tham gia tố tụng chị T, anh P đều thừa nhận: Chị T và anh Đặng Đình P tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn với nhau vào 2007. Trong quá trình chung sống vợ chồng với nhau đến năm 2010 thì do mâu thuẫn vợ chồng nên vợ chồng có làm thủ tục ly hôn ở Tòa án vào năm 2010, đến năm 2013 thì vợ chồng về sống chung với nhau và đến đầu năm 2017 thì đi đăng ký kết hôn lại. Sau đó vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không có sự tôn trọng, chia sẻ với nhau, lâu dần tình cảm vợ chồng mờ nhạt, xa cách dần. Bên cạnh đó anh P bài bạc và có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Theo chị T trình bày, chị T đã cho anh P nhiều cơ hội để thay đổi bản thân nhưng anh P vẫn không hề thay đổi. Anh P trình bày, bản thân anh P đã nhận ra sai lầm của bản thân và xin được đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cho chị T, anh P có thời gian suy nghĩ chuyện tình cảm vợ chồng, nhưng chị T cho rằng anh P không có thiện chí, không về nhà nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Tòa án triệu tập lên hòa giải nhưng anh P trốn tránh không lên Tòa án làm việc, thể hiện sự không thiện chí trong việc xin đoàn tụ gia đình. Như vậy, HĐXX xác định quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giải quyết cho chị T được ly hôn với anh P.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh P có 02 con chung: Cháu Đặng Đình T, sinh ngày 01/5/2008 và cháu Đặng Bảo T1, sinh ngày 27/9/2017. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T1 và giao cháu T cho anh P nuôi dưỡng. Anh P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Qua kết quả xác minh về điều kiện nuôi con thì thấy anh P làm nghề buôn bán trái cây, chị T làm nghề thu mua phế liệu nên đều có thu nhập nên cả hai đều có điều kiện nuôi con. Chị T trình bày chị làm nghề buôn bán phế liệu mức thu nhập trung bình khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Mặc khác, hiện nay cháu T đang ở cùng anh P và cháu có nguyện vọng được ở với anh P, cháu T1 đang ở cùng chị T. Vì vậy, để đảm bảo

cuộc sống ổn định về tinh thần, tâm lý, đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dạy và đảm bảo quyền lợi, nguyện vọng của con chung, HĐXX cần giao cháu Đặng Bảo T1, sinh ngày 27/9/2017 cho chị Phùng Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao cháu Đặng Đình T, sinh ngày 01/5/2008 cho anh Đặng Đình P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh P không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh P không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phùng Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị T được ly hôn với anh Đặng Đình P.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Bảo T1, sinh ngày 27/9/2017 cho chị Phùng Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Giao cháu Đặng Đình T, sinh ngày 01/5/2008 cho anh Đặng Đình P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị Phùng Thị T, anh Đặng Đình P được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phùng Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0006520 ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- UBND xã H, huyện K;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Đình Nam